TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quang Minh**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời**, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông **Hồ Thanh Sang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

- *Bị cáo thứ 1*: **Huỳnh Văn N**, giới tính: Nam.

Sinh ngày 13/7/1998, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 2/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông: Huỳnh Văn M; con bà: Thái Thị T (Thoãng); vợ: Phạm Hồng N1; con: 01 người (sinh năm 2020); tiền sự: Không; tiền án: 01 - Tại Bản án hình sự số: 34/2021/HS-ST ngày 31/5/2021 của TAND huyện Trần Văn Thời xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2022, nộp xong án phí hình sự ngày 25/02/2022; nhân thân: Tại Bản án hình sự số: 41/2017/HS-ST ngày 21/7/2017 của TAND huyện Trần Văn Thời xử phạt 02 năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em", chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/01/2019, nộp xong án phí hình sự ngày 27/10/2017.

Bị tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến nay.

- *Bị cáo thứ 2*: **Dương Nhật D**, giới tính: Nam.

Sinh ngày 13/5/2004, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Dương Văn D1; con bà: Đỗ Thị T1; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự số: 58/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của TAND huyện Trần Văn Thời xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/5/2023, đã nộp xong án phí hình sự.

Bị tạm giam từ ngày 11/8/2023 đến nay.

- *Bị cáo thứ 3*: **Nguyễn Như K**, giới tính: Nam.

Sinh ngày 10/5/1998, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông: Nguyễn Hồ K1; con bà: Quách Hồng C; anh em ruột: 02 người (lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1999); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến nay.

- *Bị cáo thứ 4*: **Nguyễn Vũ B**, giới tính: Nam.

Sinh ngày 10/11/2005, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; con ông: Nguyễn Văn V; con bà: Trần Thị C1; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 - Tại Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 19/6/2022 của Công an xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau xử phạt 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Chưa chấp hành xong Quyết định.

Bị tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến nay.

Người bào chữa: Bà **Võ Bé N2** (Có mặt) – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- *Bị cáo thứ 5*: **Lê Văn P**, giới tính: Nam.

Sinh ngày 09/7/1999, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông: Lê Văn V1; Con bà: Bùi Thị M1, sinh năm 1975; anh, em ruột: 04 người (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2014); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 - Tại Quyết định số: 39/QĐ-XPHC ngày 20/9/2022 của Công an huyện C, tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong Quyết định.

Bị tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: **Lê Ngọc T2**, sinh năm 2004 (Vắng mặt), trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Có mặt:*

Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1974, trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Dương Văn T3**, sinh năm 1994, trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6/2023, D và N có quen biết nhau; N bàn với D kiếm người dẫn qua nhà N để gài nhậu hoặc chơi ma túy rồi tính tiền cao, ép thiếu nợ lấy tài sản trừ nợ hoặc ép viết giấy nợ, rồi giữ người lại để N giao cho người khác đưa đi ghe biển lấy tiền chia nhau tiêu xài, mỗi người dẫn qua N cho 10.000.000 đồng, D đồng ý. Đến trưa ngày 11/7/2023, D dụ được T2, nói dối là qua nhà D nhậu để D đi S làm, Trọng tin là thật nên đồng ý. D gọi điện thoại cho N nói là tìm được người đưa đi ghe. Lúc này B đang ở nhà N, N rủ B cùng thực hiện việc đưa T2 đi ghe lấy tiền chia nhau tiêu xài, B đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, K ghé nhà N chơi, N rủ K đưa T2 đi ghe để lấy tiền chia nhau, K đồng ý rồi điều khiển xe về nhà P. Khi rủ được B và K cùng tham gia, N tiếp tục gọi điện rủ thêm P cùng tham gia đưa T2 đi ghe để lấy tiền chia nhau tiêu xài, P đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, D nhắn tin cho T2 kêu T2 qua nhà D nhậu, D đang ở cây xăng V chờ T2, D nói *"bạn không qua, tôi không về",* T2 tin lời D nên đồng ý. T2 một mình điều khiển xe mô tô đến cây xăng Vũ T4 gặp D. N gọi cho Duy hối dẫn T2 qua nhà N, D nói với T2 là qua nhà bạn nhậu, D điều khiển xe mô tô và kêu T2 điều khiển xe chạy theo D đến nhà N tại ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Khi đến nhà N, T2 đậu xe ngoài hàng ba, chìa khóa vẫn gắn trên xe. D dẫn T2 vào nhà N ngồi trên bộ ván thứ 1 cùng với D và N, còn K, B và P ngồi trên bộ ván thứ 2 đối diện cách 1,5m. Nan, D, K, B và P tập trung đi lại chỗ T2 ngồi và sử dụng ma túy; rủ T2 sử dụng ma túy nhưng T2 đều từ chối. Khi rủ T2 sử dụng ma túy không được, thì N, D, K, B và P chửi bới, đe dọa ép T2 sử dụng ma túy nhưng T2 vẫn không sử dụng. K đi đóng cửa nhà lại, D xuống nhà bếp lấy cây dao lưỡi bằng sắt đi đến chỗ T2 ngồi chỉ dao vào người đe dọa chém T2, thì K đến cầm tay D cản lại, D bỏ cây dao xuống đất rồi dùng tay phải đấm trúng vào mặt T2 01 cái làm T2 ngã người ra phía sau; N dùng nón bảo hiểm của T2 để gần đó đánh T2 nhưng B cản lại nên không trúng. B đứng lên bộ ván dùng tay phải nắm cổ áo T2 và tát vào mặt T2 01 cái, còn P đứng gần đó chứng kiến. Sau khi đánh T2, N bắt T2 phải trả chầu ma túy mà N, D, K, B và P vừa sử dụng, B tính tiền chầu ma túy là 30.000.000 đồng. N nói với T2 *"lấy điện thoại, xe máy trừ 3.000.000 đồng; còn lại mày phải đi làm trả nợ cho tụi tao*". D đe dọa T2 kêu đưa điện thoại cho D, Trọng sợ nên đưa điện thoại cho D, D lấy điện thoại bỏ vào túi quần. T2 năn nỉ N, D, K, B và P cho gọi điện về cho người thân hoặc chở T2 về nhà gặp gia đình lấy tiền trả cho N, D, K, B và P nhưng N, D, K, B và P không đồng ý cho về, mà giữ T2 ở lại đưa đi làm trả nợ cho N, D, K, B và P. Nan hỏi T2 *"mày biết đi ghe không?"*, khi T2 trả lời

"không biết", thì K hỏi *"mày biết bấm máy tính không?"*, T2 nói biết, K nói *"đưa mày đi nước ngoài làm trả nợ cho tụi tao"*, T2 giả vờ đồng ý đi làm để tìm cách bỏ trốn. B dùng tay đánh vào vai phải T2 01 cái và nói *"mày qua võng bên kia nằm"* rồi dẫn T2 qua bộ ván thứ 2 nằm võng canh giữ T2. Khal kêu P chở về nhà P để K liên lạc tìm chỗ đưa T2 đi nước ngoài làm, còn D, N và B ở lại canh giữ T2. Khi ra khỏi nhà N, K đi đến xe của T2 lấy chìa khóa xe ném qua ô cửa vào nhà cho N giữ, P nói với K kêu N đưa điện thoại cho P và K sử dụng để liên hệ, thì N kêu D đưa điện thoại của T2 cho P sử dụng. Trên đường đi về nhà P, K điện thoại cho N qua mạng xã hội Z nói với N đã liên hệ được đầu Sài G đồng ý nhận đưa T2 đi Campuchia với giá 800 USD, đồng ý thì người ta đưa xe xuống chở đi. Khoảng 20 phút sau, K gọi lại cho N nói *"giờ người ta xuống còn 600 USD"*, N đồng ý. Khoảng 30 phút sau, K tiếp tục gọi cho N nói *"giờ xuống còn 400 USD"*, N vẫn đồng ý và nói lại cho D và B nghe. Một lúc sau K gọi cho N nói *"người ta đưa trước 5.000.000 đồng, còn lại ngày hôm sau mới đưa, chịu không?"* Nan đồng ý. Khoảng 04 giờ sáng ngày 12/7/2023, K gọi điện cho N nói xe xuống tới Hộ Phòng. Khoảng 02 tiếng sau, K điện thoại cho N nói xe xuống tới xã P, kêu Nan chuẩn bị đưa T2 đi. Khi T2 nghe được cuộc nói chuyện giữa K và N, thì T2 tìm cách bỏ trốn. T2 giả vờ đói bụng, kêu N nấu mì ăn để tìm cơ hội bỏ trốn. Nan kêu D đi mua mì nấu cho T2 ăn, đồng thời B kêu D mua thêm cây viết và cuốn tập để viết giấy nợ thể hiện T2 thiếu nợ để N, D, K, B và P để giao giấy nợ cho người nhận T2 để N, D, K, B và P lấy tiền. Khoảng hơn 06 giờ ngày 12/7/2023, N bắt T2 qua bộ ván thứ 1 ngồi cùng B để B ghi giấy mượn nợ với nội dung là T2 có nợ Nguyễn Như K số tiền 27.000.000 đồng cho T2 ký tên. Lợi dụng việc B đang viết giấy mượn nợ nên lơ là, còn N và D đang nấu mì ở nhà bếp, T2 cầm lấy cây dao dưới chân đe dọa Bằng rồi bỏ chạy ra ngoài lộ, trên đường chạy trốn T2 chạy vào kho vật liệu xây dựng Ngọc Y, T2 đã ném bỏ cây dao xuống ao. D, B, N rượt đuổi theo vào kho vật liệu xây dựng Ngọc Y để bắt T2 lại nhưng không bắt được do có nhiều người đang làm việc tại đây, B và N lấy xe của T2 bỏ trốn. Đến chiều ngày 12/7/2023, N điện thoại cho P kêu P mang điện thoại của T2 đi bán. Phất đến cửa hàng điện thoại di động Phục Thảo ngụ xã P, huyện C bán điện thoại được 1.200.000 đồng, P chuyển khoản cho N 700.000 đồng, còn lại 500.000 đồng Phất cùng K tiêu xài hết. Riêng xe mô tô chiếm đoạt của T2, N nhờ người mang đến Công an xã K, huyện T giao nộp. T2 đến Công an huyện T trình báo vụ việc.

Tại Biên bản định giá số 35/BB-HĐĐG ngày 31/7/2023 và Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL-ĐGTS ngày 31/7/2023, kết luận tài sản của T2 bị chiếm đoạt như sau: 01 xe mô tô biển số kiểm soát 65M1-1745, nhãn hiệu HONOR, màu đen – xám, số máy 52FMHR429129, số khung H4UM6K429129, giá tiền 3.500.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO A17K màu xanh, giá tiền là 2.990.000 đồng; 01 sim số 0966.376.035, tỷ lệ còn lại 50%, số tiền 50.000 đồng; 01 sim số 0943.621.610, số tiền là 200.000 đồng. Tổng số tiền bị thiệt hại là: 6.740.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 164/KLTTCT-TTPY ngày 03/8/2023 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh C, kết luận tổn thương cơ thể của T2 như sau: Các kết quả

chính: Gãy cung gò má trái tại thời điểm giám định không có căn cứ xếp tỷ lệ %, không có căn cứ xác định vật gì gây thương tích. Kết luận: Căn cứ Thông tứ số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Ngọc T2 tại thời điểm giám định là 00%. Kết luận khác: Không có.

Tại Kết luận giám định số: 395/KL-KTHS ngày 19/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh C, kết luận: Mẫu cần giám định: 01 "Giấy mượn nợ" ngày 11/7 (Ký hiệu A). Mẫu so sánh: 03 "BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH" ngày 26/7/2023, họ tên Nguyễn Vũ B (Ký hiệu M1); 03 "BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH" ngày 27/7/2023, họ tên Nguyễn Vũ B (Ký hiệu M2). Kết luận: Chữ viết có nội dung: "Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam…, vào lúc 20 giờ 40 phút ngày 11 tháng 7 n" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra.

Tài liệu, đồ vật thu giữ và chưa xử lý trong vụ án gồm: Sợi dây dù dài 1,44m (đã cũ) được cột rút ở giữa; Sợi dây dù bản dẹp dài 2,28m (đã cũ); Sợi dây dù có một bên có dây kéo màu xanh dài 1,56m (đã cũ); Sơi dây màu đen bản dẹp dài 48,5cm (đã cũ); Sợi dây bản dẹp dài 54cm (đã cũ); Đoạn vải lưới màu xanh đã cũ dài 2,4m; Mũ bảo hiểm màu xanh có chữ TONATO (đã cũ); Mũ bảo hiểm dạng nón kết màu trắng có chữ SEUDRIA; 01 chai nhựa chiều cao 20cm, nắp màu đỏ (chai nước giải khác Sting), trên nắp có khoét 02 lỗ, cắm 01 ống hút bằng nhựa và 01 nỏ sử dụng ma túy; 01 xe mô tô Wave màu đen, biển kiểm soát 65M1-1745 của Lê Ngọc T2; 01 điện thoại di động Samsung màu đồng, bể màn hình và 01 điện thoại di động S J7 màu đồng, bể màn hình, có gắn sim số 0965.830.851 của Lê Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 8A màu xanh dương, có gắn 02 sim số 0918.834.631 và 0586.718.452 của Huỳnh Văn N; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37FW màu đồng đã cũ, có gắn sim số 0918.003.862 của Nguyễn Vũ B; 01 điện thoại di động hiệu Redmi C35 màu xám – đen đã cũ, có gắn sim số 0948.538.576 của Dương Nhật D; 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2039 màu đen đã cũ, có gắn sim số 0345.010.635 của Nguyễn Như K.

Trách nhiệm dân sự: T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wava, biển số kiểm soát 65M1-1745; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K màu xanh và số tiền 3.000.000 đồng. Giai đoạn điều tra ông Nguyễn Văn V (cha ruột B) đã nộp khắc phục thay cho B số tiền 1.000.000 đồng, ông Dương Văn T3 (chú của D) nộp khắc phục thay cho D số tiền 2.000.000 đồng.

*/ Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo: Huỳnh Văn N, Dương Nhật D, Nguyễn Như K, Nguyễn Vũ B, Lê Văn P, về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS và tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày

02/4/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" và tội "Giữ người trái pháp luật".

- Về hình phạt:

+ Đối với Nan: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; các điều 17, 55, 58 của BLHS, phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật", tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

+ Đối với D: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 55, 58 của BLHS, phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp tài sản", từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung từ 04 năm đến 04 năm 09 tháng tù.

+ Đối với Khal: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 55, 58 của BLHS, phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

+ Đối với Bằng: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 55, 58, 91, 101 của BLHS, phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Cướp tài sản", từ 04 đến 06 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung từ 02 năm 10 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Đối với Phất: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 55, 58 của BLHS, phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các điều 584, 589 BLDS.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P về việc đồng ý bồi thường cho ông Lê Ngọc T2 số tiền 240.000 đồng.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng (do Nguyễn Văn V và Dương Văn T3 nộp thay khắc phục hậu quả cho bị cáo B và bị cáo D), thì ông T2 được quyền liên hệ đến Chi cục THADS huyện T để được nhận số tiền này.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ: Sợi dây dù dài 1,44m (đã cũ) được cột rút ở giữa; Sợi dây dù bản dẹp dài 2,28m (đã cũ); Sợi dây dù có một bên có dây kéo màu xanh dài 1,56m (đã cũ); Sơi dây màu đen bản dẹp dài 48,5cm (đã cũ); Sợi dây bản dẹp dài 54cm (đã cũ); Đoạn vải lưới màu xanh đã cũ dài 2,4m; Mũ bảo hiểm màu xanh có chữ TONATO (đã cũ); Mũ bảo hiểm dạng nón kết màu trắng có chữ SEUDRIA; 01 chai

nhựa chiều cao 20cm, nắp màu đỏ (chai nước giải khác Sting), trên nắp có khoét 02 lỗ, cắm 01 ống hút bằng nhựa và 01 nỏ sử dụng ma túy.

Trả lại các tài sản, đồ vật như sau: Cho Lê Ngọc T2: 01 xe mô tô Wave màu đen, biển kiểm soát 65M1-1745, cho Lê Văn P: 01 điện thoại di động Samsung màu đồng, bể màn hình và 01 điện thoại di động S J7 màu đồng, bể màn hình, có gắn sim số 0965.830.851, cho Nguyễn Vũ B: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37FW màu đồng đã cũ, có gắn sim số 0918.003.862, cho Nguyễn Như K: 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2039 màu đen đã cũ, có gắn sim số 0345.010.635.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước, như sau: Của Huỳnh Văn N: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 8A màu xanh dương, có gắn 02 sim số 0918.834.631 và 0586.718.452, của Dương Nhật D: 01 điện thoại di động hiệu Redmi C35 màu xám – đen đã cũ, có gắn sim số 0948.538.576.

Người bào chữa cho bị cáo B phát biểu ý kiến:

Thống nhất với bày luận tội của Viện kiểm sát.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết như tại thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Đối với các bị cáo: Nan, D, B, K, P đều thống nhất và không tham gia tranh luận với bày luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo chỉ yêu cầu xem xét áp dụng cho các bị cáo hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Đối với bị hại Lê Ngọc T2 đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt của T2 không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên toà, các bị cáo N, D, B, P thừa nhận diễn biến sự việc đã nêu tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đã truy tố, là đúng. Riêng đối với K: Quá trình điều tra ban

đầu Khal thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội. Nhưng sau đó K thay đổi lời khai và cho rằng K không có tham gia lấy tài sản và giữ T2, mà chỉ đến dòm ngó T2 tiếp N không cho T2 bỏ trốn. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay K thay đổi lời khai và khẳng định với Hội đồng xét xử bản Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đã truy tố bị cáo K về tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng. Cho thấy, lời thừa nhận này của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Như vậy, có cơ sở để xác định: Nan kêu D kiếm người dẫn qua nhà N gài chơi ma túy rồi tính tiền giá cao, giữ lại và ép thiếu nợ để N giao cho người khác đưa đi ghe biển kiếm tiền chia nhau chi xài, D đồng ý. Đến ngày 11/7/2023, D dụ được T2, nên báo cho N biết. N rủ thêm K, B, P cùng tham gia, được K, B, P đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 65M1-1745 chạy cùng với D đến nhà N thuộc ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tại đây, N cùng với D, K, B, P nhiều lần rủ T2 sử dụng ma túy nhưng T2 từ chối, N cùng với D, K, B, P chửi và đe dọa T2 để ép T2 sử dụng ma túy, nhưng T2 vẫn không đồng ý sử dụng ma tuý. Do Trọng từ chối sử dụng ma tuý thì K đóng cửa nhà lại, D xuống bếp lấy cây dao đe dọa chém T2 thì K ngăn cản, D bỏ dao xuống và dùng tay đấm vào mặt T2 01 cái, N dùng nón bảo hiểm đánh nhưng không trúng, B dùng tay nắm cổ áo và tát vào mặt T2 01 cái, còn P đứng gần đó chứng kiện vụ việc. Khi đánh T2 xong, N bắt T2 phải trả chầu ma túy mà các bị cáo sử dụng với số tiền 30.000.000 đồng. Do T2 không có tiền, nên các bị cáo đã chiếm đoạt của T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số kiểm soát 65M1-1745 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K màu xanh, thiệt hại theo định giá là 6.740.000 đồng. Còn lại số tiền 27.000.000 đồng, thì N, D, B giữ T2 lại tại nhà N để K và P đi liên hệ tìm người bán T2. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 12/7/2023, B viết "giấy mượn nợ" với nội dung T2 thiếu nợ Khal 27.000.000 đồng nhằm mục đích bán T2 cho người khác để lấy tiền chia nhau chi xài. T2 lợi dụng lúc Bằng, N, D lơ là trong việc giữ T2, T2 đã trốn thoát và sau đó đến Công an trình báo vụ việc.

- Xét vai trò của các bị cáo: N là người kêu D dụ T2 qua nhà N để N gài T2 sử dụng ma tuý, tính tiền cao, sau đó giữ giao cho người khác đưa đi ghe lấy tiền chi xài. Nan sử dụng nhà N là nơi thực hiện hành vi phạm tội và chuẩn bị ma tuý, dụng cụ sử dụng ma tuý để tổ chức cùng đồng bọn gài T2 sử dụng, bắt giữ đưa đi ghe. Nan rũ Bằng, P, K tham gia cùng, được các bị cáo này đồng ý tham gia. Khi T2 đến nhà N, các bị cáo từ dụ dỗ Trọng chơi, chuyển sang chửi, đe doạ T2 sử dụng ma tuý. Sau khi T2 cương quyết từ chối sử dụng, N cùng các bị cáo khác đánh T2 làm T2 tê liệt ý chí chống cự, phản kháng. Nan bắt đầu bắt T2 phải trả chầu ma tuý 30.000.000 đồng, lấy xe, điện thoại di động của Trọng trừ 3.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng, giữ T2 lại để tìm chỗ cho T2 đi làm, sau đó, giao T2 cho người khác lấy tiền chia nhau chi xài. Do đó, hành vi của N giữ vai trò chính, để cùng các bị cáo khác chiếm

đoạt tài sản và bắt giữ T2. Đối với D, vì muốn có tiền chi xài, D dụ T2 qua nhà N cho N tổ chức gài T2 chơi ma tuý, tính tiền, giữ giao cho người khác lấy tiền, nếu trót lọt được Nan cho 10.000.000 đồng xài. D trực tiếp dụ dỗ, chửi, cầm dao đe doạ, đánh vào mặt T2 làm T2 tê liệt ý chí phản kháng. Sau đó, D lấy điện thoại của T2, ở lại canh giữ T2 chờ P, K liên lạc người qua chở T2 đi sang nước Campuchia làm. Hành vi của D đồng phạm với N với có vai trò thực hành tích cực trong việc chiếm đoạt tài sản và bắt giữ T2. Đối với B, N rũ Bằng tham gia cùng N tổ chức gài T2 chơi ma tuý, tính tiền, bắt giữ T2 giao cho người khác lấy tiền chia nhau chi xài. Vì muốn có tiền chi xài, B đồng ý tham gia cùng N. Bằng cùng D, N đánh T2 làm T2 tê liệt ý chí phản kháng. Sau đó, B tính tiền ma tuý T2 phải trả là 30.000.000 đồng, cùng các bị cáo khác lấy điện thoại, xe của T2, trực tiếp canh giữ, viết giấy nợ cho T2 ký tên. Khi T2 bỏ trốn, B chở N, cùng D rượt theo bắt T2 lại nhưng không bắt được. Hành vi của B đồng phạm với N với vai trò giúp sức tích cực trong việc chiếm đoạt tài sản và bắt giữ T2. Đối với K, N rũ Khal tham gia cùng N tổ chức gài T2 chơi ma tuý, tính tiền, bắt giữ T2 giao cho người khác lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vì muốn có tiền chi xài, K đồng ý tham gia cùng N. Khal cùng với các bị cáo khác rủ dụ T2 chơi ma tuý, lúc D, N, B đánh T2, K có mặt giúp sức về mặt tinh thần làm T2 tê liệt ý chí phản kháng, không còn khả năng bảo vệ tài sản. Khal trực tiếp lấy chìa khoá xe của T2 ném vào cho N giữ thể hiện ý chí lấy xe của T2, sau đó K nhận điện thoại của T2 đem về sử dụng và P đem bán giữ lại 500.000 đồng dùng để chi tiêu chung cho P, K. K là người trực tiếp đề xướng và liên hệ đưa T2 đi Campuchia làm lấy tiền, T2 bỏ trốn chưa giao cho người khác được là ngoài ý chí của K. Hành vi của K đồng phạm với N với vai trò giúp sức trong việc chiếm đoạt tài sản và bắt giữ T2. Đối với P, N rũ Phất tham gia cùng N tổ chức gài T2 chơi ma tuý, tính tiền, bắt giữ T2 giao cho người khác lấy tiền chia nhau chi xài. Vì muốn có tiền tiêu xài, P đồng ý tham gia cùng N. Phất cùng với các bị cáo khác rủ dụ, chửi đe doạ T2 chơi ma tuý, lúc D, N, B đánh T2, P có mặt giúp sức về mặt tinh thần làm T2 tê liệt ý chí phản kháng, không còn khả năng bảo vệ tài sản. P cùng K lấy điện thoại của T2 đem về nhà P sử dụng và P đem bán giữ lại 500.000 đồng dùng để chi tiêu chung cho P, K. Phất thống nhất cùng K đi về nhà P liên hệ đưa T2 đi làm lấy tiền, còn lại các bị cáo khác ở lại canh giữ T2 chờ xe xuống chở đi. T2 bỏ trốn chưa giao cho người khác được là ngoài ý chí của P. Hành vi của P đồng phạm với N với vai trò giúp sức trong việc chiếm đoạt tài sản và bắt giữ T2. Như vậy, hành vi của các bị cáo chỉ đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo phạm vào tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội "Cướp tài sản" tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Từ đó, Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đã truy tố và lời buộc tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên toà là có căn cứ.

[2.2] Về hình phạt: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc giữ người trái pháp luật, dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Nhưng vì mục đích tư lợi cá thân, xem thường pháp luật nên các bị cáo thực hiện

hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến hai khách thể của tội phạm được pháp luật bảo vệ là quyền sở hữu về tài sản và quyền tự do đi lại của công dân.

Hành vi đó của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng.

Từ đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết như sau:

- Xét về tình tiết tăng nặng: Đối với các bị cáo D, B, P, K, là không có. Tuy nhiên về nhân thân của D, B, P là không tốt (D đã từng 01 lần bị Toà án xét xử về một tội phạm, P đã từng 01 lần bị Công an huyện C xử phạt về hành vi hành chính, B có 01 tiền sự chưa được xoá - bị Công an xã H, huyện C xử phạt 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết số: 45/QĐ-XPHC ngày 19/6/2022). Riêng đối với bị cáo N: Có 01 tiền án chưa được xoá án tích (tại Bản án số: 34/2021/HS-ST ngày 31/5/2021 của TAND huyện Trần Văn Thời xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2022, nộp xong án phí hình sự ngày 25/02/2022) và 01 lần bị Toà án xét xử về một tội phạm. Cho nên, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, khi N rủ B thực hiện hành vi phạm tội đối với T2 thì B ở độ tuổi là 17 tuổi – 08 tháng – 01 ngày, N phải gánh chịu thêm tình tiết tăng nặng "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo N, D, B, P được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s (thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng, bị cáo B và D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b (khắc phục hậu quả) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo B, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên cần áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo các điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự theo đề nghị của người bào chữa, là có cơ sở.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Với những đánh giá các tình tiết như đã nêu trên, thấy rằng: Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, cần chấp nhận. Cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm để cải tạo giáo dục các bị cáo, mục đích để răn đe cho những ai xem thường pháp luật, cũng như nhằm để phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wava, biển số kiểm soát 65M1-1745, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K màu xanh kèm 02 sim (được định giá là 3.240.000 đồng) và số tiền 3.000.000 đồng.

- Đối với điện thoại hiệu OPPO A17K của T2, thì không có thu hồi lại được và được định giá là 3.240.000 đồng. Quá trình điều tra, ông V (cha ruột B) đã nộp khắc phục thay cho B số tiền 1.000.000 đồng và ông T3 (chú của D) nộp khắc phục thay

cho D số tiền 2.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng. Tại phiên toà, ông V và ông T3 không có yêu cầu B và D phải trả lại số tiền này, đồng thời Bằng và D cũng không có yêu cầu gì đối với các bị cáo còn lại.

Như vậy sau khi án có hiệu lực, Trọng liên hệ đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời để được nhận số tiền này.

Số tiền còn lại là 240.000 đồng, thì bị cáo P tự nguyện bồi thường cho T2 số tiền này, nên cần được ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wava, biển số kiểm soát 65M1-1745 của T2, đã thu hồi lại được và hiện nay chiếc xe này được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Như vậy, khi án có hiệu lực Trọng liên hệ đến Cơ quan này để được nhận xe.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà T2 cho rằng khi các bị cáo ép T2 sử dụng ma túy, đánh đập, đe dọa, thì các bị cáo chiếm đoạt số tiền này.

Xét: Quá trình điều tra, các bị cáo không có thừa nhận chiếm đoạt của T2 số tiền này, mà chỉ có lời khai của T2. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay T2 vắng mặt và trong suốt điều tra T2 cũng không có cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, nên không có đủ căn cứ để buộc các bị cáo bồi thường.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo, cho thấy các bị cáo không có công việc ổn định. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.5] Về vật chứng: Đối với các đồ vật được liệt kê ở số thứ tự từ 1 đến 8 – theo Biên bản v/v giao nhận vật chứng ngày 04/4/2024. Xét, quá trình điều tra có thu giữ các đồ vật này tại nhà của N, nhưng tại phiên toà hôm nay N cũng như các bị cáo khác không ai có yêu cầu được nhận lại, đồng thời các đồ vật này cũng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với: 01 điện thoại di động Samsung màu đồng, bể màn hình và 01 điện thoại di động S J7 màu đồng, bể màn hình, có gắn sim số 0965.830.851 của P; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37FW màu đồng đã cũ, có gắn sim số 0918.003.862 của B; 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2039 màu đen đã cũ, có gắn sim số 0345.010.635 của K. Xét, không có liên quan đến vụ án, cần giao trả lại cho các bị cáo. Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 8A màu xanh dương, có gắn 02 sim số 0918.834.631 và 0586.718.452 của N và 01 điện thoại di động hiệu Redmi C35 màu xám – đen đã cũ, có gắn sim số 0948.538.576 của D. Xét, các tài sản này có liên quan đến việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

[2.6] Các vấn đề khác có liên quan: Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của N, D, K, B, P diễn ra vào ngày 11/7/2023. Xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi này ra để tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ xử lý sau là phù hợp. Đối với hành vi của N, D, K, B, P là đe dọa, giữ T2 để giao cho người khác lấy

tiền, nhưng do T2 đã trốn thoát. Các bị cáo cũng chưa có việc chuyển giao T2 cho người khác và chưa nhận được tiền hay tài sản gì từ việc chuyển giao T2. Xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hành vi này của các bị cáo là có cơ sở. Ngoài ra, khi kiểm tra tài khoản Zalo và M2 của bị cáo N, phát hiện trước khi thực hiện hành vi phạm tội đối với T2, N và K có gài người khác để sử dụng ma túy, giữ lại giao cho người khác đưa đi ghe biển lấy tiền chi xài. Xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi này ra để tiếp tục điều tra, làm rõ nếu đủ căn cứ xử lý sau là phù hợp. Đối với hành vi của Lê Hoàng P1 có mua điện thoại của T2 do P chiếm đoạt, nhưng P1 không biết được tài sản này do phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với P1 là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do các bị cáo đã bị kết án, nên cần buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, riêng bị cáo P2 phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Các điều 17, 38; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 09 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 04 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo **Huỳnh Văn N** phải chấp hành chung là **04** (bốn) năm **09** (chín) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 28/7/2023.

2/ Căn cứ: Các điều 17, 38; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Nhật D 06 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo **Dương Nhật D** phải chấp hành chung là **04** (bốn) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 11/8/2023.

3/ Căn cứ: Các điều 17, 38; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; các điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ B 04 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 02 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo **Nguyễn Vũ B** phải chấp hành chung là **02** (hai) năm **04** (bốn) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 28/7/2023.

4/ Căn cứ: Các điều 17, 38; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 06 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 03 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo **Lê Văn P** phải chấp hành chung là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 15/11/2023.

5/ Căn cứ: Các điều 17, 38; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như K 06 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 03 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt bị cáo **Nguyễn Như K** phải chấp hành chung là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 28/7/2023.

6/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Văn P về việc đồng ý bồi thường cho ông Lê Ngọc T2 số tiền 240.000 đồng – Hai trăm bốn mươi ngàn đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng – Ba triệu đồng (do Nguyễn Văn V và Dương Văn T3 nộp thay khắc phục hậu quả cho bị cáo B và bị cáo D), thì ông Lê Ngọc T2 được quyền liên hệ đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để được nhận số tiền này.

7/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: Sợi dây dù dài 1,44m (đã cũ) được cột rút ở giữa; Sợi dây dù bản dẹp dài 2,28m (đã cũ); Sợi dây dù có một bên có dây kéo màu xanh dài 1,56m (đã cũ); Sơi dây màu đen bản dẹp dài 48,5cm (đã cũ); Sợi dây bản dẹp dài 54cm (đã cũ); Đoạn vải lưới màu xanh đã cũ dài 2,4m; Mũ bảo hiểm màu xanh có chữ TONATO (đã cũ); Mũ bảo hiểm dạng nón kết màu trắng có chữ SEUDRIA; 01 chai nhựa chiều cao 20cm, nắp màu đỏ (chai nước giải khác Sting), trên nắp có khoét 02 lỗ, cắm 01 ống hút bằng nhựa và 01 nỏ sử dụng ma túy.

Trả lại cho Lê Ngọc T2 01 xe mô tô Wave màu đen, biển kiểm soát 65M1-1745, cho Lê Văn P 01 điện thoại di động Samsung màu đồng, bể màn hình và 01 điện thoại di động S J7 màu đồng, bể màn hình, có gắn sim số 0965.830.851, cho Nguyễn Vũ B: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37FW màu đồng đã cũ, có gắn sim số 0918.003.862, cho Nguyễn Như K: 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2039 màu đen đã cũ, có gắn sim số 0345.010.635.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước của Huỳnh Văn N 01 điện thoại di động hiệu Redmi 8A màu xanh dương, có gắn 02 sim số 0918.834.631 và 0586.718.452, của Dương Nhật D 01 điện thoại di động hiệu Redmi C35 màu xám – đen đã cũ, có gắn sim số 0948.538.576.

(Theo biên bản v/v giao nhận vật chứng ngày 04/4/2024).

8/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Huỳnh Văn N, Dương Nhật D, Nguyễn Vũ B, Nguyễn Như K, Lê Văn P, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Lê Văn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

9/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Huỳnh Văn N, Dương Nhật D, Nguyễn Vũ B, Nguyễn Như K, Lê Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V, Dương Văn T3 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại Lê Ngọc T2 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang